

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 300/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa:

**\*Nguyên đơn:** Chị **B**, sinh năm 1981.

Trú tại: CH số 8, Tr xã D, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**\*Bị đơn:** Anh **T**, sinh năm 1981.

Nơi công tác và cư trú: Phòng Tham Mưu, Tiểu đoàn y, Sư đoàn 361, xã D, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **B** và anh **T**.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*\* Về con chung:* Chị B và anh T có 02 con chung là cháu Asinh ngày 12/8/2007 và cháu L, sinh ngày 01/3/2011.

Giao cháu A và cháu L cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị B mỗi cháu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/01 tháng.

Thời gian cấp dưỡng: Kể từ tháng 12 năm 2021 đến khi cháu A và cháu L đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

\* *Về tài sản chung*: Ghi nhận chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

\*Quyền yêu cầu thi hành án:

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các **Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự**; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

\* *Về án phí*: Chị B tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền dự phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0015289 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND. Thành phố Hà Nội;
- VKSND.H.Hoài Đức;
- UBND xã L, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thanh Hải**